

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-02-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Văn Phú Hiên.

2. Bà Đoàn Thị Mến.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Kim Thùy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trần T- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 449/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thanh H, sinh năm 2002. Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Phạm Đan T1, sinh năm 2001. Địa chỉ: Ấp F, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thanh H trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Phạm Đan T1 vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không có ai ép buộc. Vợ chồng chị chung sống đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ

chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, quan hệ tình cảm không hạnh phúc. Chị và anh T1 đã sống ly thân được 02 tháng nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T1.

Về nuôi con chung: Không có.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/01/2024 anh Phạm Đan T1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh đăng ký kết hôn với chị H vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không có ai ép buộc. Vợ chồng anh trong quá trình chung sống thỉnh thoảng có cãi nhau về một số bất đồng ý kiến giữa vợ chồng, theo anh là không có mâu thuẫn gì lớn. Chị H đã bỏ đi khỏi nhà được hai tháng nên vợ chồng ly thân, trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn, do anh là người đạo Thiên Chúa nên không thể ký biên bản thuận tình ly hôn. Anh đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: Không có.

Về chia tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Qua xem xét nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện X, nên đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc xét xử vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/5/2021 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo Giấy trích lục kết hôn số 606/TLKH-BS ngày 14/12/2023 của UBND xã H, số đăng ký kết hôn là 67 ngày 19/5/2012, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Quá trình chung sống chị H và anh T1 có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không hợp nhau thường xuyên cãi nhau do bất đồng ý kiến. Vợ chồng anh chị đã ly thân được hai tháng, trong thời gian hai tháng vợ chồng không gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T1, anh T1 cũng đồng ý ly hôn nhưng do anh đạo Thiên C nên không ký biên bản thuận tình ly hôn được.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T1 đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, chị H yêu cầu ly hôn và anh T1 cũng đồng ý, nên cần áp dụng các điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[2.2] Về nuôi con chung: Không có.

[2.3] Về chia tài sản: Chị H, anh T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 56, 57, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016

/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thanh H ly hôn anh Phạm Đan T1.
2. Về nuôi con chung: Không có.
3. Về chia tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí: Chị Nguyễn Thanh H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0005116 ngày 14-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Chị H đã nộp đủ án phí.
5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- CCTHADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ HẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thảo Sương